

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 1195/1998/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung

tên và thuế suất của một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Điều 8, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26/12/1991;

Căn cứ các khung thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a/NQ-HĐNN8 ngày 22/2/1992 của Hội đồng Nhà nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 31 NQ/UBTVQH9 ngày 9/3/1993, Nghị quyết số 174 NQ/UBTVQH9 ngày 26/3/1994, Nghị quyết số 290 NQ/UBTVQH9 ngày 7/9/1995, Nghị quyết số 293 NQ/UBTVQH9 ngày 08/11/1995, Nghị quyết số 416 NQ/UBTVQH9 ngày 5/8/1997 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 9;

Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 3 - Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu kèm theo Nghị định số 54/CP; Sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ và các Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo các Quyết định số 1188 TC/TCT ngày 20/11/1995; Quyết định 443 TC/QĐ/TCT ngày 4/5/1996; Quyết định số 02 TC/QĐ/TCT ngày 02/1/1997; Quyết định số 257 TC/QĐ/TCT ngày 31/3/1997; Quyết định số 496A TC/QĐ/TCT ngày 15/7/1997; Quyết định số 848 TC/QĐ/TCT ngày 01/11/1997; Quyết định số 383/1998/QĐ/BTC ngày 30/3/1998; Quyết định

số 700/1998/QĐ/BTC ngày 26/5/1998; Quyết định số 843/1998/QĐ-BTC ngày 9/7/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và thuế suất thuế nhập khẩu mới ghi tại Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng của Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.- Sắp xếp lại mã số cho mặt hàng "Chất dinh dưỡng đặc biệt có thể dùng trong y tế" vào nhóm mã số 1901.

Điều 3.- Chi tiết cụ thể tên mặt hàng "Thuốc trị nấm" (Nizoral Shampoo) vào mã số 3004.90.98 và quy định thuế suất thuế nhập khẩu cho mặt hàng này là 10% (mười phần trăm).

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan bắt đầu từ ngày 01/10/1998.

**DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN VÀ THUẾ SUẤT
MỘT SỐ MẶT HÀNG CỦA BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1195/1998/QĐ-BTC
ngày 12 tháng 9 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mã số	Tên nhóm mặt hàng, sản phẩm	Thuế suất %)
1	2	3
1702	Đường khác, kể cả đường hoá học nguyên chất (lactoza), đường maltoza, glucoza và fructoza, dạng tinh thể; siro đường chưa pha thêm hương liệu, chất màu; mật ong nhân tạo, đã hoặc chưa pha thêm mật ong tự nhiên, caramen	
1702.10	- Đường lactoza và siro lactoza	3
1702.20	- Đường từ cây thích và siro từ cây thích	3

1702.30	- Glucoza và siro glucoza, không chứa fructoza hoặc có chứa fructoza ở dạng khô với tỷ lệ dưới 20%	10
1702.40	- Glucoza và siro glucoza, có chứa fructoza ở dạng khô với tỷ lệ ít nhất là 20% nhưng dưới 50%	10
1702.50	- Fructoza tinh khiết về mặt hoá học	3
1702.60	- Fructoza và siro fructoza có tỷ trọng fructoza trên 50%	3
1702.90	- Loại khác kể cả đường nghịch chuyển:	
1702.90.10	-- Mantoza và siro mantoza	3
1702.90.20	-- Mật ong nhân tạo	5
1702.90.30	-- Đường trắng	5
1702.90.90	-- Loại khác	5
1901	Mạch nha (Malt) tinh chiết, thức ăn chế biến từ tinh bột, từ bột thô hoặc từ mạch nha tinh chiết, chưa pha thêm bột ca cao hoặc có pha bột ca cao theo tỷ lệ dưới 50% trọng lượng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; Thức ăn chế biến từ các sản phẩm thuộc các nhóm từ 0401 đến 0404, không chứa bột ca cao hay có pha bột ca cao theo tỷ lệ dưới 10% trọng lượng chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
1901.10	- Chế phẩm dùng cho trẻ em, đã đóng gói để bán	

	lẻ	
1901.10.10	-- Chất dinh dưỡng đặc biệt có thể dùng trong y tế	5
1901.10.90	-- Loại khác	35
1901.20	- Bột trộn, bột nhào để chế biến thành các loại bánh thuộc nhóm 1905	50
1901.90	- Loại khác	
1910.90.10	-- Chất dinh dưỡng đặc biệt có thể dùng trong y tế	5
1910.90.90	-- Loại khác	50
2922	Các hợp chất chứa oxy:	
2922.10	- Axit Glutamic	15
2922.90	- Các loại khác:	
2922.90.10	-- Muối Dane để sản xuất nguyên liệu Amoxicilline và Ampicilline (Para hydroxy Phenyglycine và Phenyglycine Dane salt)	3
2922.90.20	-- Lysine	10
2922.90.90	-- Loại khác	5
2941	Kháng sinh các loại	
2941.10	- Penicillin và các dẫn xuất của chúng có cấu trúc axit penicillanic, muối của chúng	0

2941.20	- Streptomycin và các chất dẫn xuất của chúng, muối của chúng	0
2941.30	- Tetracycline và các dẫn xuất của chúng; muối của chúng	0
2941.40	- Cloramphenicol và các dẫn xuất của chúng; muối của chúng	0
2941.50	- Erythromycin và các dẫn xuất của chúng; muối của chúng	0
2941.90	- Loại khác:	
2941.90.10	-- Amoxicilline và các chất dẫn xuất của chúng	7
2941.90.20	-- Gentamycin và các chất dẫn xuất của chúng; muối của chúng	0
2941.90.30	-- Ampicilline và các chất dẫn xuất của chúng	5
2941.90.90	-- Loại khác	0
3003	Các loại dược phẩm (trừ các loại thuộc nhóm 3002, 3005, 3006) có chứa từ hai thành phần trở lên pha trộn với nhau để phòng bệnh, chữa bệnh, chưa pha thành liều hay đóng gói để bán lẻ	
3003.10	- Chứa penicilin hoặc chất dẫn xuất của chúng, có cấu trúc axit penicilin hoặc streptomycin hoặc các dẫn xuất của chúng	0
3002.20	- Chứa các chất kháng sinh khác:	
3002.20.10	-- Chứa Amoxicilline	10